

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ NGUỒN VỐN ĐÓNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRONG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, huyện, xã, khác

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện)

TT	Nội dung hỗ trợ/địa phương	Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Trong đó		Ghi chú
				NS tỉnh	NS huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	TỔNG CỘNG		25,899	22,000	3,899	
1	Hỗ trợ mục tiêu cho các xã thuộc Chương trình		25,899	22,000	3,899	
1.1	Các xã đăng ký về đích nông thôn mới năm 2023 (03 xã)		19,233	16,000	3,233	
1	Xã Ba Liên	UBND xã Ba Liên	6,111	5,500	611	
2	Xã Ba Vì	UBND xã Ba Vì	8,678	6,500	2,178	
3	Xã Ba Điền	UBND xã Ba Điền	4,444	4,000	444	
1.2	Các xã đăng ký về đích nông thôn mới năm 2024-2025 (03 xã)		6,666	6,000	666	
1	Xã Ba Ngạc	UBND xã Ba Ngạc	2,222	2,000	222	
2	Xã Ba Tô	UBND xã Ba Tô	2,222	2,000	222	
3	Xã Ba Dinh	UBND xã Ba Dinh	2,222	2,000	222	

(*)Danh mục công trình có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình thuộc danh mục tại QĐ số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh và Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì bắt buộc áp dụng cơ chế đặc thù.

(**) Công trình đặc thù chủ đầu tư là BQL các Chương trình MTQG xã; công trình không đặc thù chủ đầu tư là UBND xã.

PHỤ LỤC

CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG BỐ SUNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NGUỒN VỐN: NGUỒN VƯỢT THU NGÂN SÁCH TỈNH VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ, KHÁC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện)

Dvt: Triệu đồng

STT	Địa bàn/công trình (*)	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch (**)	Qui mô thiết kế	Tổng mức đầu tư và trung hạn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ sung		Ghi chú
						NS tỉnh	NS huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG				25,899	22,000	3,899	
I	Xã Ba Điền				4,444	4,000	444	
1	Sân vận động xã Ba Điền	xã Ba Điền	UBND xã	Tường rào, cổng ngõ sân vận động L= 237m; nâng cấp Sân khấu; hệ thống thoát nước L=130m; vỉa hè phía tây sân vận động S= 280m2.	1,000	900	100	
2	Đập Nước Lu	xã Ba Điền	UBND xã	Chiều dài đập L=14m, Phần tràn L=8m, Phần không tràn L=6m và gia cố rọ đá lưới thép 02 mái thượng hạ lưu đập. Kiên cố đoạn kênh sau đập.	1,000	900	100	
3	Đập Vả Lách	xã Ba Điền	UBND xã	Tổng Chiều dài đập: L=9.3m, đoạn tràn là 8.0m, đoạn không tràn là 1.3m. Chiều rộng ngưỡng tràn Btràn =1.5m. 02 Khoan xả cát có kích thước BxH=(1.2x1.15)m .Kênh ống thép D300/7mm, L=40.0m	600	540	60	
4	Nâng cấp BTXM tuyến đường Làng Roan - Làng Rót	xã Ba Điền	UBND xã	Nâng cấp Nền, mặt đường BTXM + thoát nước, với chiều dài tuyến L= 345m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	500	450	50	
5	Nâng cấp BTXM tuyến đường DT 624 - Tổ 1 Hy Long	xã Ba Điền	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM với chiều dài tuyến L= 131.46m, Bm=3.5m, Rãnh thoát nước Bê tông, L=96.4m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	300	270	30	
6	Nối tiếp BTXM tuyến đường UBND xã - Làng Tương	xã Ba Điền	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM với chiều dài tuyến L= 210m, Bm=3m, Rãnh thoát nước, L=100m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	300	270	30	
7	Nâng cấp BTXM tuyến đường Mang Bay - Troang Gách	xã Ba Điền	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM với chiều dài tuyến L= 200m, Bm=3m, Rãnh thoát nước L=120m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	300	270	30	
8	Nâng cấp BTXM tuyến đường Làng Rêu - Gò Đàm	xã Ba Điền	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM + thoát nước có chiều dài L= 360,2m, Bm = 2,5m; theo qui mô: Đường GTNT cấp C theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	444	400	44	
II	Xã Ba Vì				8,678	6,500	2,178	

STT	Địa bàn/công trình (*)	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch (**)	Qui mô thiết kế	Tổng mức đầu tư và trung hạn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ sung		Ghi chú
						NS tỉnh	NS huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nối tiếp đường BTXM Mang Cành - K'diêu	Xã Ba Vi	UBND xã	550m	1,188	950	238	
2	Đường BTXM QL24 đi Tổ Mang Cong, thôn Gò Vành	Xã Ba Vi	UBND xã	300m	625	500	125	
3	Ngã 3 Gò Gia đi Tổ 3 Gò Da (nhánh 2)	Xã Ba Vi	UBND xã	600m	1,113	890	223	
4	Đường BTXM Nước Trết - Gò Vành (nhánh 1)	Xã Ba Vi	UBND xã	300m	625	500	125	
5	Nhà văn hóa thôn Gò Vành	Xã Ba Vi	UBND xã	100 chỗ ngồi và công trình phụ trợ (giếng nước và khu vệ sinh)	1,172	820	352	
6	Nhà văn hóa thôn Nước Ui	Xã Ba Vi	UBND xã	Tối thiểu 100 chỗ ngồi	1,115	780	335	
7	Cải tạo, nâng cấp tường rào, cổng ngõ diêm Trường Mầm non Gò Năng thành Nhà Văn hóa thôn Gò Năng	Xã Ba Vi	UBND xã	Cải tạo phòng học thành hội trường; vệ sinh, sơn mới Nhà Văn hóa; nâng cấp sân vườn; tường rào, cổng ngõ	972	680	292	
8	Nhà văn hóa xã Ba Vi; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa, tường rào, cổng ngõ và đầu tư sân vườn, khu thể thao	Xã Ba Vi	UBND xã	Xử lý mê, mái chống dột Nhà Văn hóa xã; sửa chữa hệ thống cửa, điện, nước Nhà Văn hóa xã; bê tông sân vườn, cây xanh, dụng cụ tập luyện thể dục thể thao	1,143	800	343	
9	Kiên cố hóa kênh Klui	Xã Ba Vi	UBND xã	550m	725	580	145	
III	Xã Ba Liên				6,111	5,500	611	
1	Công trình nước sạch thôn Hương Chiên	Hương Chiên	UBND xã	Giếng khoan và bể chứa	1,150	1,035	115	
2	Công trình nước sạch thôn Đá Chát	Đá Chát	UBND xã	Giếng khoan và bể chứa	1,150	1,035	115	
3	Xây dựng kè chống sạt lở suối Đá Chát, xã Ba Liên	Đá chát	UBND xã	850m	1,111	1,000	111	
4	Hạ thế đường dây 0,4kv và trụ tại thôn đá chát	Hương Chiên	UBND xã	600m	1,100	990	110	
5	Sân vườn, nhà vệ sinh và thiết chế bên trong Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	Đá chát	UBND xã	Sân vườn, nhà vệ sinh, thiết chế văn hóa	700	630	70	
6	Tường rào cổng ngõ, kè chống sạt lở, sân vườn, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Đá Chát	Đá chát	UBND xã	Tường rào, sân vườn, nhà vệ sinh	700	630	70	
7	Sân vườn Nhà văn hóa xã	Đá chát	UBND xã		200	180	20	
IV	Xã Ba Ngạc				2,222	2,000	222	
1	Tuyến QL24 B đi Tổ 3 thôn Ta Noát	Thôn Ta Noát		Đường loại B	722	650	72	
2	Nối tiếp BTXM từ Ngã 3 đường xã đi xóm ông Ông, tổ 2 thôn Nước Lầy (nhánh 1)	Thôn Nước Lầy	UBND xã	Đường loại B	611	550	61	
3	BTXM từ Ngã 3 đường xã đi tổ 2 Long Moang, thôn Nước Lầy (nhánh 2)	Thôn Nước Lầy	UBND xã	Đường loại B	889	800	89	
V	Xã Ba Đình		UBND xã	Trang 3/4	2,222	2,000	222	

STT	Địa bàn/công trình (*)	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch (**)	Qui mô thiết kế	Tổng mức đầu tư và trung hạn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ sung		Ghi chú
						NS tỉnh	NS huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nhà văn hóa thôn Kách Lang	Thôn Kách Lang	UBND xã	Trên 100 chỗ ngồi	1,110	1,000	110	
2	BTXM Tuyến QL24 Km34+600 đi ngã 3 Tổ 2, thôn Đồng Dinh (nhà ông Lãi)	Thôn Đồng Dinh.	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM với chiều dài tuyến L= 427m, Bm=3m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	756	680	76	
3	Tuyến QL24 KM35+150 đi Tổ 3, thôn Đồng Dinh	Thôn Gò Lê	UBND xã	Nâng cấp mặt đường BTXM với chiều dài tuyến L= 180m, Bm=3m, theo qui mô: Đường GTNT cấp B theo quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	356	320	36	
VI	Xã Ba Tô				2,222	2,000	222	0
1	Đường BTXM QL24 (km 46) - Tổ 1 thôn Mang Lùng I	Thôn Mang Lùng I	UBND xã	126m	280	252	28	
2	Nối tiếp đường BTXM đi Nước Con thôn Trà Nô	Thôn Trà Nô	UBND xã	410m	740	666	74	
3	Đường BTXM QL24 (Km39) - Khu dân cư Làng Rét - Nước Lâm, thôn Mô Lang	Thôn Mô Lang	UBND xã	230m	415	374	42	
4	Đường BTXM Rộc Măng - tổ Gò Đụn thôn Làng Mạ	Thôn Làng Mạ	UBND xã	325m	587	528	59	
5	Nối tiếp đường BTXM thôn Mang Lùng I từ nhà ông Y đến nhà ông Rum	Thôn Mang Lùng I	UBND xã	110m	200	180	20	

Ghi chú:
 (*)Danh mục công trình có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình thuộc danh mục tại QĐ số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh và Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì bắt buộc áp dụng cơ chế đặc thù.
 (**) Công trình đặc thù chủ đầu tư là BQL các Chương trình MTQG xã; công trình không đặc thù chủ đầu tư là UBND xã.